

힘이 넘치는 대학,
행복이 가득한 대학

KÌ ĐẦU NĂM HỌC 2026

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI THUẦN
TUÝ HỆ CAO HỌC



국립목포대학교
<http://www.mokpo.ac.kr>

LỊCH TRÌNH TUYỂN SINH

Phân loại	Thời gian		Nội dung	Ghi chú
Tiếp nhận hồ sơ	Đợt 1	01.10.2025(Thứ tư) ~ 23.10.(Thứ năm) 18:00	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham khảo tại trang chủ của trường (https://oia.mokpo.ac.kr/iiee/index.do) 	Tải về và điền thông tin
	Đợt 2	08.12.2025(Thứ hai)~ 29.12(thứ hai) 18:00		
Nộp hồ sơ	Đợt 1	01.10.2025 (Thứ tư) ~ 23.10(thứ năm) 18:00	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phương thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện ▪ Nơi gửi: Văn phòng hành chính toà hợp tác quốc tế (Tầng 2 trung tâm tổng hợp thông tin. Địa chỉ 1666 đường YeongSanro xã Cheonggye huyện MuAn tỉnh Jeonnam) ▪ Gửi bằng hình thức bưu điện thì chỉ nhận những hồ sơ đến đúng trong thời gian nộp hồ sơ ▪ Lệ phí xét tuyển: 50,000 KRW <Chuyển khoản dưới tên của thí sinh > ※ Ngân hàng Shinhan : 100-037-224290 (Đại học quốc gia Mokpo) 	- Thời gian và địa điểm có thể thay đổi vì vậy thí sinh nên chủ động liên lạc với khoa mà thí sinh muốn đăng kí.
	Đợt 2	08.12.2025(Thứ hai)~ 29.12(thứ hai) 18:00		
Phòng vấn	Đợt 1	05.11.2025.(thứ 4) 14:00 ~	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Người cư trú tại Hàn Quốc: địa điểm thi sẽ được quy định - Thông báo trên trang chủ của trường 27.10.2025(Thứ hai) , 02.01. 2026. (Thứ sáu) ang cư trú ở nước ngoài: phỏng vấn online 	
	Đợt 2	07.01.2026(thứ 4) 14:00 ~		
Công bố kết quả trúng tuyển	Đợt 1	17.11.2025(Thứ hai))	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông báo trúng tuyển Thông báo trên trang chủ của trường (Không thông báo riêng) ▶ Tài liệu hướng dẫn hay giấy đóng học phí cũng như giấy trúng tuyển thì đăng kí qua phòng giáo dục hợp tác quốc tế 	
	Đợt 2	19.01.2026. (thứ hai)		
Nộp học phí	Đợt 1	17.11.2025 (thứ hai) ~20. 11(thứ năm)	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nộp học phí ▶ Ngân hàng nộp: Shinhan 	<Dự định>
	Đợt 2	19.01.2025(thứ hai)~ 22.01.2026.(thứ năm)		

※ Lịch trình có thể thay đổi tùy theo lịch của nhà trường, mọi thay đổi sẽ được thông báo trên trang chủ khu hợp tác quốc tế của trường. (<https://oia.mokpo.ac.kr/iiee/index.do>)

【 ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN 】

1. Điều kiện nhập học

- Thí sinh là sinh viên nước ngoài thuần túy phải có cả bố và mẹ mang quốc tịch nước ngoài. Ngoại trừ, sinh viên đăng kí khoa điều dưỡng thì phải có giấy phép hành nghề điều dưỡng.

Phân loại chương trình đào tạo	Điều kiện dự tuyển	Ghi chú
Thạc sĩ và tích hợp thạc sĩ tiến sĩ	Người đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) bằng cử nhân hoặc đã được công nhận có trình độ học vấn tương đương hoặc cao hơn theo quy định của pháp luật	Thí sinh dự kiến tốt nghiệp phải hoàn tất việc lấy bằng trước khi nhập học tại trường
Tiến sĩ	Người đã tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) chương trình thạc sĩ hoặc đã được công nhận có trình độ học vấn tương đương hoặc cao hơn theo quy định của pháp luật	

※ Đối với chương trình thạc sĩ, thí sinh có thể đăng ký không phân biệt ngành đã tốt nghiệp; tuy nhiên đối với chương trình tiến sĩ, một số ngành tuyển sinh có thể giới hạn về loại bằng cấp hoặc ngành học đã tốt nghiệp.

2. Điều kiện chung về năng lực ngôn ngữ đối với chương trình Thạc sĩ và Tiến sĩ

- Thí sinh phải đáp ứng ít nhất **một trong các tiêu chuẩn** về năng lực **tiếng Hàn** hoặc **tiếng Anh** dưới đây

Phân loại	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Hàn	Ghi chú
①Tiếng Hàn	- Đạt cấp 3 trở lên trong kỳ thi Năng lực tiếng hàn (TOPIK) hoặc hoàn thành khóa học Trung cấp 1 trở lên tại Học viện Sejong. (Riêng đối với ngành Hợp tác giáo dục tiếng Hàn yêu cầu TOPIK 6 trở lên)	
②tiếng anh	- TOEFL IBT 59, IELTS 5.5, CEFR B2, TEPS, NEW TEPS 202* hoặc điểm số tương đương trong các kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do nhà nước công nhận (như TOEIC,...	
Trường hợp không có chứng chỉ ① hoặc ②	- Nộp giấy xác nhận năng lực (ngôn ngữ) do giáo sư hướng dẫn cấp ※ Trong mọi trường hợp, thí sinh phải đạt ít nhất một trong các điều kiện ① hoặc ② trước thời điểm nộp luận văn tốt nghiệp chính thức)	

* Đối với thí sinh có quốc tịch của quốc gia sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ chính thức theo pháp luật, nếu nộp được giấy tờ chứng minh đã hoàn tất chương trình giáo dục trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông (giấy chứng nhận tốt nghiệp), thì được miễn yêu cầu chứng chỉ năng lực tiếng Anh khi xét tuyển. (Tuy nhiên, đối với công dân các quốc gia có tiếng Anh

【 NGÀNH TUYỂN SINH 】

Khởi ngành	Ngành tuyển sinh	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tích hợp thạc sĩ-tiến sĩ	Ghi chú(liên kết)	
Khóa học chính quy	Ngôn ngữ và văn học Hàn	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>			
	Ngôn ngữ Anh và văn học Anh	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
	Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc	<input type="radio"/>			Chương trình Liên kết Tiến Sĩ Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc	
	Ngôn ngữ và Văn học Nhật Bản	<input type="radio"/>			Chương trình Liên kết Tiến sĩ Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản	
	Lịch Sử	<input type="radio"/>			Chương trình Tiến sĩ Khoa Lịch sử Địa phương Hàn Quốc	
	Khảo cổ học và Nhân văn học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>			
	Giáo dục học	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>			
		Quy hoạch đô thị và phát triển vùng		<input type="radio"/>		
	Luật	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
		Hành chính		<input type="radio"/>		
		Quản lý đất đai		<input type="radio"/>		
	Chính trị và Ngoại giao	<input type="radio"/>				
	Phúc lợi xã hội	<input type="radio"/>				Chương trình Liên kết Tiến sĩ Khoa Quản trị Hành chính và Phúc lợi
	Kinh doanh	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
	Kinh tế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>			
	Thương mại	<input type="radio"/>				Chương trình Liên kết Tiến sĩ Khoa Thương mại Quốc tế
	Tài chính và bảo hiểm	<input type="radio"/>				Chương trình Liên kết Tiến sĩ Khoa Tài chính và Bảo hiểm
	Quản trị du lịch	<input type="radio"/>				Chương trình Liên kết Tiến sĩ Khoa Văn hóa và Du lịch
	Lịch sử địa phương Hàn Quốc			<input type="radio"/>		
	Khởi khoa học tự nhiên (14)	Toán học	<input type="radio"/>			
Giáo dục Toán học			<input type="radio"/>			
Vật lý		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
Hóa học		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
Sinh học		<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>		
Lâm vườn		<input type="radio"/>				Chương trình Liên kết Tiến sĩ Khoa Phát triển và Ứng dụng

Khởi ngành	Ngành tuyển sinh	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tích hợp thạc sĩ-tiến sĩ	Ghi chú(liên kết)		
					Tài nguyên Sinh học Chương trình Liên kết Tiến sĩ Khoa Khoa học Văn hóa Trà Quốc		
		Gia đình		○			
		Tài nguyên Thủy sản, Biển	○	○	○		
		Tài nguyên Dược liệu Hàn y	○			Chương trình Tiến sĩ Khoa Phát triển và Ứng dụng Uwsngujng Sinh học	
		Giáo dục mầm non	○			Chương trình Tiến sĩ Khoa Gia đình	
		Thực phẩm và dinh dưỡng	○			Chương trình Tiến sĩ Khoa Gia đình	
		May mặc và Dệt may	○			Chương trình Tiến sĩ Khoa Gia đình	
		Y Dược	○	○	○		
		Điều Dưỡng	○	○			
		Kỹ thuật Cơ khí	○	○	○		
	Kỹ thuật (14)		Công nghệ thực phẩm	○	○	○	
			Kỹ thuật điện tử	○	○	○	
			Công nghệ thông tin	○	○		
		Xây dựng	○	○	○		
Khóa học chính quy		Điện	○	○	○	Chương trình Tiến sĩ Hợp tác Kỹ thuật Năng lượng Tái tạo và Sạch	
		Kỹ thuật Công trình Dân dụng	○			Chương trình Tiến sĩ Hợp tác Kỹ thuật Môi trường Xây dựng	
		Môi trường	○			Chương trình Tiến sĩ Hợp tác Kỹ thuật Môi trường Xây dựng	
	Kỹ thuật (13)		Hệ thống Đóng tàu Thông minh	○	○	○	
			Truyền thông đa phương tiện	×	×	×	
		Kiến trúc cảnh quan	○			Chương trình Tiến sĩ Hợp tác về Khoa học Kết hợp Quy hoạch Cảnh quan Kiến trúc	
		Vật liệu tiên tiến	○			Chương trình Tiến sĩ Hợp tác về Kỹ thuật Hệ thống Vật liệu Mới	
		Công nghệ truyền thông	○				
		Kiến trúc	○	○	○		
	Khởi năng khiếu nghệ thuật thể thao (3)		Mỹ thuật	○			
		Âm nhạc	○				
	Giáo dục Thể chất	○	○	○			
Chương trình hợp	Xã hội nhân	Chương trình hợp tác ngành Quản lý hồ sơ	×				

Khối ngành	Ngành tuyển sinh	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tích hợp thạc sĩ-tiến sĩ	Ghi chú(liên kết)	
tác	văn (16)	Chương trình hợp tác ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản		○		
		Chương trình hợp tác ngành Khoa học Văn hóa Trà Quốc tế	○	○	○	
		Chương trình hợp tác ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc		○		
		Chương trình hợp tác ngành Văn hoá Sách và Biển	○	○	○	
		Chương trình hợp tác ngành Ứng dụng Văn hoá Sách Giao tiếp	×			
		Chương trình hợp tác ngành Giáo dục tiếng Hàn	○	○		
		Chương trình hợp tác ngành Quản lí hành chính và Phúc lợi		○		
		Chương trình hợp tác ngành Chính sách đô thị và địa chính		○		
		Chương trình hợp tác ngành Tài chính và Bảo hiểm		○		
		Chương trình hợp tác ngành Văn hoá Du Lịch		○		
		Chương trình hợp tác ngành Thương mại Quốc tế		○		
		Chương trình hợp tác ngành Thương mại điện tử	○			
		Chương trình hợp tác ngành Thương mại Trung Quốc	○			
		Chương trình hợp tác ngành Contents Văn hoá	○	○		
		Giáo dục Môi trường	○	○	○	
		Khoa học tự nhiên (3)	Chương trình hợp tác ngành Thiết kế nội thất và Nhà ở	○		
	Chương trình hợp tác ngành Phát triển và Ứng dụng Tài nguyên sinh học			○		
			○	○	○	【giáo trình tiếng Anh】
	Kỹ thuật (5)	Chương trình hợp tác ngành Khoa học hợp nhất về Sinh học, Dược phẩm, Y học		○		
		Chương trình hợp tác ngành Công nghệ bảo mật thông tin	○	○	○	
		Chương trình hợp tác ngành Kỹ thuật Hệ thống Vật liệu mới		○		
		Chương trình hợp tác ngành Năng lượng tái tạo	○	○	○	
		Chương trình hợp tác ngành Khoa học kết hợp Cảnh quan và Kiến trúc		○		
	Nghệ	Chương trình hợp tác ngành	○			

Khởi ngành	Ngành tuyển sinh	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tích hợp thạc sĩ - tiến sĩ	Ghi chú(liên kết)
thuật và giáo dục thể chất(2)	Liệu pháp Nghệ thuật sáng tạo				
	Chương trình hợp tác ngành Quản lý nghệ thuật	○	○	○	

Khoá học	Ngành tuyển sinh	Đơn vị hợp tác	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Tích Hợp thạc sĩ và tiến sĩ	Ghi chú (Liên kết)
trình hợp tác giữa trường và viện nghiên cứu	Thương mại, Làm vườn	Cơ quan phát triển nông thôn	○			
	Thương mại Quốc tế, Phát triển và Ứng dụng Tài nguyên sinh học			○		
	Hoá học, Cơ khí, Điện tử, Điện	Viện nghiên cứu kỹ thuật sản xuất Hàn Quốc	○	○	○	
	Vật liệu tiên tiến		○			
	Truyền thông đa phương tiện	/	×	×	×	
	Hoá học, Cơ khí, Điện tử, Điện	Viện nghiên cứu Công nghệ Năng lượng Hàn Quốc	○	○	○	
	Vật liệu tiên tiến		○			
	Hoá học, Sinh học	Viện nghiên cứu Hoá học Hàn uốc	○	○	○	
	Hoá học, Sinh học, Y Dược	Viện nghiên cứu Sinh học Hàn uốc	○	○	○	
	Tài nguyên Dược liệu Hàn y		○			
	Hoá học	Viện nghiên cứu Tiêu chuẩn Hàn uốc	○	○	○	
	Hoá học	Viện nghiên cứu Năng lượng tiêu chuẩn Hàn uốc	○	○	○	
	Vật lý, Kỹ thuật Điện tử, Điện, Chương trình hợp tác Công nghệ bảo mật thông tin	Viện nghiên cứu Điện tử và Viễn thông Hàn uốc	○	○	○	
	Kỹ thuật viễn thông		○			
Tổng	84 chương trình Thạc sĩ, 66 chương trình Tiến sĩ, 42 chương trình tích hợp Thạc sĩ - Tiến sĩ (không bao gồm các chương trình không tuyển sinh)					

▲ **Chương trình hợp tác liên ngành** : là chương trình cấp bằng Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ chính quy đã được đi hành chung bởi từ hai khoa liên quan trở lên nhằm thực hiện nghiên cứu chung giữa các lĩnh vực.

▲ **Chương trình hợp tác Đại học - Viện nghiên cứu** : Chương trình đã được thiết lập dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa trường đại học và viện nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn về khoa học kỹ thuật, chỉ những thí sinh đã được người đứng đầu cơ quan trực thuộc đề cử mới đủ điều kiện đăng ký

※ **Các ngành tuyển sinh đã được ghi chú** là các chương trình tiến sĩ có tên gọi khác so với ngành tuyển sinh của chương trình thạc sĩ.

※ **Một số ngành tuyển sinh có thể được điều chỉnh** tùy theo quyết định của nhà trường, do đó thí sinh cần kiểm tra thông tin ngành tuyển sinh trong bản hướng dẫn tuyển sinh chính thức đã được đăng tải trên trang chủ của Trường cao học Mokpo - trường đại học Mokpo trước khi nộp hồ sơ.

【 Thông báo trúng tuyển và thủ tục nhập học 】

1. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Phỏng vấn_ tiến hành dưới hình thức phỏng vấn trực tiếp

※ Trường hợp du học sinh đang cư trú ở nước ngoài không thể tham dự phỏng vấn trực tiếp tại địa điểm thi do những lý do bất khả kháng (như chậm trễ trong việc cấp visa, v.v...), sau khi xác minh sự việc và danh tính thí sinh, có thể được thay thế bằng phỏng vấn trực tuyến. Tuy nhiên, thí sinh cần trao đổi trước với khoa dự tuyển về vấn đề này. Trong trường hợp này, thí sinh bắt buộc phải nộp các tài liệu chứng minh liên quan (ví dụ: giấy tờ chứng minh chưa nhập cảnh vào Hàn Quốc, v.v...)

2. CÁC YẾU TỐ XÉT TUYỂN VÀ THANG ĐIỂM

1) Quá trình tích hợp thạc sĩ tiến sĩ và thạc sĩ

Phân loại	Thẩm định hồ sơ	Phỏng vấn	Tổng	Ghi chú
Tích hợp thạc sĩ tiến sĩ	Đạt/ không đạt	100	100	

2) Quá trình tiến sĩ

Phân loại	Thẩm định hồ sơ	Phỏng vấn	Tổng	Ghi chú
Tiến sĩ	Đạt/ không đạt	100	100	

3) Phương pháp đánh giá theo từng yếu tố xét tuyển

- Thẩm định hồ sơ: Đánh giá dựa trên việc kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ đã nộp
- Phỏng vấn: Đánh giá năng lực học tập chuyên ngành, kiến thức nền tảng về chuyên ngành, kế hoạch nghiên cứu, thái độ học tập và khả năng diễn đạt
- Đối với ngành Mỹ thuật, thí sinh phải chuẩn bị tài liệu phục vụ phỏng vấn theo hướng dẫn tại

[Mục tham khảo 3] và nộp cho văn phòng khoa chậm nhất trước ngày thi 3 ngày

Môn thi	Thuyết trình giới thiệu tác phẩm và kế hoạch nghiên cứu (10 phút thuyết trình, 5 phút trả lời câu hỏi)
Yêu cầu chuẩn bị	<ul style="list-style-type: none"> ◦ Hồ sơ portfolio tác phẩm (tối đa 5 tác phẩm) Nộp 1 tập tài liệu trong túi đựng trong suốt khổ A4, chứa ảnh chụp các tác phẩm đã thực hiện trong vòng 5 năm gần đây (kích thước ảnh: 19cm x 25cm) ◦ Hồ sơ portfolio đã nộp sẽ không được hoàn trả. ◦ Tập tin PDF dùng cho phần thuyết trình (bao gồm các tác phẩm và kế hoạch nghiên cứu) phải nộp cho văn phòng khoa trước ngày phỏng vấn 3 ngày.

3. TUYỂN CHỌN THÍ SINH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG TRÚNG TUYỂN

- 1) Tuyển chọn số lượng thí sinh phù hợp theo điều kiện đào tạo của từng khoa (chương trình liên ngành)
- 2) Những trường hợp dưới đây sẽ bị loại, các trường hợp khác được xử lý theo nguyên tắc xét tuyển do Hội đồng Sau đại học của trường quy định:
 - ① Thí sinh không đạt yêu cầu trong vòng thẩm định hồ sơ (bao gồm thiếu hồ sơ)
 - ② Thí sinh không tham dự phỏng vấn
 - ③ Thí sinh có điểm phỏng vấn thấp hơn mức điểm liệt (dưới 40% tổng điểm)
 - ④ Thí sinh bị phát hiện có thông tin sai lệch (bao gồm cả ghi sai do nhầm lẫn) trong đơn đăng ký hoặc hồ sơ nộp
- ※ Thí sinh nộp giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp phải nộp bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp chính thức và giấy tờ chứng minh học lực trước khi bắt đầu học kỳ

【 Hồ sơ đăng ký 】

thứ tự	Phân loại	Mẫu	Hồ Sơ cần nộp
1	Đơn đăng kí nhập học	1	<ul style="list-style-type: none"> ■ Nộp 2 ảnh thẻ nền trắng cỡ 3x4 (ghi rõ tên theo hộ chiếu)
2	Giấy chứng nhận tốt nghiệp(dự kiến)		<ul style="list-style-type: none"> ■ Thí sinh dự kiến tốt nghiệp chương trình cử nhân hoặc thạc sĩ phải nộp giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp, và sau khi tốt nghiệp phải bổ sung giấy chứng nhận tốt nghiệp trước khi bắt đầu học kỳ. ※ Hồ sơ chứng minh học lực <ghi chú tham kh2> Thí sinh tốt nghiệp tại các trường đại học nước ngoài phải nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp kèm một trong các giấy tờ sau (Apostille1), giấy chứng nhận xác nhận học lực2), giấy xác nhận của cơ quan lãnh sự3)
3	Bảng điểm		<ul style="list-style-type: none"> ■ Thí sinh đăng kí chương trình thạc sĩ nộp toàn bộ bảng điểm của chương trình Đại học ■ Thí sinh đăng kí chương trình tiến sĩ nộp toàn bộ bảng điểm của chương trình thạc sĩ
4	Thư giới thiệu	2	<ul style="list-style-type: none"> ■ Thư giới thiệu của chủ nhiệm khoa đăng kí hoặc giáo sư hướng dẫn (dự kiến) ■ tham khảo địa chỉ liên lạc ở [bảng sao 3] Để nhận tư vấn rồi sau đó nộp
5	Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ	3	<ul style="list-style-type: none"> ■ Bảng điểm chứng nhận trình độ ngoại ngữ như TOPIK, TOEFL, IELTS,.. (Giấy chứng nhận phải còn đủ hiệu lực cho đến lúc nộp tiền học) ■ Trường hợp chưa có chứng chỉ ngoại ngữ, nộp giấy xác nhận năng lực ngoại ngữ (mẫu số 3) ※ Bắt buộc phải bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ trước khi nộp luận văn tốt nghiệp
6	hứng minh thư và bản sao hộ chiếu của bản thân và bố mẹ		<p><Thí sinh không mang quốc tịch Trung Quốc></p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Phải nộp hộ chiếu (nếu không có hộ chiếu có thể thay bằng giấy tờ tùy thân khác có xác nhận quốc tịch, trừ giấy phép lái xe) <p><Thí sinh mang quốc tịch Trung Quốc></p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Bản sao chứng minh thư của bản thân và bố mẹ ■ Bản sao hộ chiếu của bản thân (bắt buộc) và bố mẹ
7	Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình		<p><Thí sinh không mang quốc tịch Trung Quốc></p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Giấy chứng minh quan hệ gia đình⁴ <p><Thí sinh mang quốc tịch Trung Quốc></p> <ul style="list-style-type: none"> ■ Hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận huyết thống (Nếu thí sinh có hộ khẩu khác với bố mẹ phải nộp cả 2 hộ khẩu và giấy chứng nhận quan hệ huyết thống) ※ Chỉ công nhận giấy chứng nhận quốc tịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia đó cấp phát. ※ Giấy chứng nhận phải được cấp trong vòng 3 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ
8	Bản sao thẻ đăng ký người nước ngoài		<ul style="list-style-type: none"> ■ Chỉ áp dụng cho thí sinh đang cư trú tại Hàn Quốc (nộp cả mặt trước và mặt sau)

9	Giấy cam kết chi phí du học	4	<p>■ Người bảo lãnh tài chính ưu tiên là bố mẹ</p> <p>- Nộp giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng đứng tên bản thân hoặc người bảo lãnh, với số tiền tương đương từ 16,000,000 KRW trở lên</p> <p>※ Giấy chứng nhận số dư phải được cấp trong vòng 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ, hoặc tối đa 6 tháng nếu có ghi rõ thời hạn hiệu lực</p>
10	2 bản giấy chứng nhận số dư ngân hàng		
11	Bản sao giấy phép hành nghề điều dưỡng		<p>■ Chỉ áp dụng cho thí sinh đăng ký ngành Điều dưỡng.</p>

<Mẫu tham khảo 1>

Giấy chứng nhận Apostille											
<p>1) Giấy chứng nhận Apostille</p>	<p>◦ Giấy chứng nhận được cấp sau khi cơ quan có thẩm quyền của nước tham gia công ước Apostille kiểm tra và xác nhận tính xác thực của văn bản do cơ quan chính phủ nước ngoài hoặc các trường công lập, quốc lập cấp như giấy chứng nhận tốt nghiệp, bảng điểm, v.v.</p> <p><Thông tin về quốc gia tham gia Công ước Apostille và cơ quan có thẩm quyền></p> <p>• Thông tin cơ quan cấp Apostille theo từng quốc gia : www.hcch.net/en/instruments/specialised-sections/apostille</p> <p>• Trang chủ An toàn Du lịch Nước ngoài của Bộ Ngoại giao và Thương mại : www.0404.go.kr</p> <p>• Tổng đài tư vấn 02-2100-7500 * Tổng đài lãnh sự 02-3210-0404</p>										
<p>2) Giấy chứng nhận học lực</p>	<p>◦ Đây là giấy chứng nhận (cấp bằng tiếng anh) được cấp dưới dạng báo cáo xác minh sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra và xác thực về việc hoàn thành chương trình trung học phổ thông trở lên tại Trung Quốc (trừ Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 15%;">Phân loại</th> <th style="width: 20%;">Đối tượng</th> <th style="width: 65%;">Nội dung</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>① Hệ thống xác nhận văn bằng</td> <td>Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ 4 năm tại Trung Quốc</td> <td> <p>- Cơ quan chứng nhận: Trung tâm Phát triển Bằng cấp và Nghiên cứu sinh thuộc Bộ Giáo dục</p> <p>* Trang chủ: http://www.cdgdc.edu.cn</p> <p>* Số điện thoại: 86-10-8237-9480 (Fax : 86-10-82378718)</p> <p>※ Trường hợp muốn xin cấp chứng nhận tại Hàn Quốc, vui lòng liên hệ : [Học viện Khổng Tử Seoul]</p> <p>* Trang chủ: http://www.cis.or.kr</p> <p>* Số điện thoại: 82-2-554-2688</p> </td> </tr> <tr> <td>② Hệ thống thông tin sinh viên</td> <td>Sinh viên tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc cao đẳng tại Trung Quốc</td> <td> <p>- Cơ quan chứng nhận: Mạng lưới Thông tin Sinh viên Giáo dục Đại học Trung Quốc</p> <p>* Trang chủ: http://www.chsi.com.cn</p> <p>* Số điện thoại: 86-10-6113-9123 (Fax: 86-10-6113-9120)</p> </td> </tr> </tbody> </table>		Phân loại	Đối tượng	Nội dung	① Hệ thống xác nhận văn bằng	Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ 4 năm tại Trung Quốc	<p>- Cơ quan chứng nhận: Trung tâm Phát triển Bằng cấp và Nghiên cứu sinh thuộc Bộ Giáo dục</p> <p>* Trang chủ: http://www.cdgdc.edu.cn</p> <p>* Số điện thoại: 86-10-8237-9480 (Fax : 86-10-82378718)</p> <p>※ Trường hợp muốn xin cấp chứng nhận tại Hàn Quốc, vui lòng liên hệ : [Học viện Khổng Tử Seoul]</p> <p>* Trang chủ: http://www.cis.or.kr</p> <p>* Số điện thoại: 82-2-554-2688</p>	② Hệ thống thông tin sinh viên	Sinh viên tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc cao đẳng tại Trung Quốc	<p>- Cơ quan chứng nhận: Mạng lưới Thông tin Sinh viên Giáo dục Đại học Trung Quốc</p> <p>* Trang chủ: http://www.chsi.com.cn</p> <p>* Số điện thoại: 86-10-6113-9123 (Fax: 86-10-6113-9120)</p>
Phân loại	Đối tượng	Nội dung									
① Hệ thống xác nhận văn bằng	Sinh viên tốt nghiệp đại học hệ 4 năm tại Trung Quốc	<p>- Cơ quan chứng nhận: Trung tâm Phát triển Bằng cấp và Nghiên cứu sinh thuộc Bộ Giáo dục</p> <p>* Trang chủ: http://www.cdgdc.edu.cn</p> <p>* Số điện thoại: 86-10-8237-9480 (Fax : 86-10-82378718)</p> <p>※ Trường hợp muốn xin cấp chứng nhận tại Hàn Quốc, vui lòng liên hệ : [Học viện Khổng Tử Seoul]</p> <p>* Trang chủ: http://www.cis.or.kr</p> <p>* Số điện thoại: 82-2-554-2688</p>									
② Hệ thống thông tin sinh viên	Sinh viên tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc cao đẳng tại Trung Quốc	<p>- Cơ quan chứng nhận: Mạng lưới Thông tin Sinh viên Giáo dục Đại học Trung Quốc</p> <p>* Trang chủ: http://www.chsi.com.cn</p> <p>* Số điện thoại: 86-10-6113-9123 (Fax: 86-10-6113-9120)</p>									
<p>3) Giấy xác nhận của cơ quan lãnh sự</p>	<p>◦ Giấy xác nhận của cơ quan lãnh sự được Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Hàn Quốc tại nước sở tại cấp.</p> <p>※ Áp dụng cho các thí sinh có quốc tịch ngoài Trung Quốc và các quốc gia tham gia</p>										

	Công ước Apostille(Trường hợp có bằng cấp tại Trung Quốc có thể lựa chọn nộp một trong hai loại giấy tờ (2) hoặc (3))
4)Giấy chứng minh quan hệ gia đình đối với thí sinh có quốc tịch ngoài Trung Quốc (ví dụ)	<ul style="list-style-type: none"> ◦Nepal: Jenmadalda ◦Mông Cổ: Giấy chứng nhận quan hệ nhân thân ◦Myanmar, Indonesia: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình ◦Việt Nam: Sổ hộ khẩu hoặc Giấy khai sinh ◦Uzbekistan, Ukraine, Thái Lan : Giấy khai sinh ◦Philippines: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình <p>※Đối với các quốc gia không được liệt kê ở trên, nộp giấy tờ tương đương theo quy định của Bộ Tư pháp Hàn Quốc</p>
Hồ sơ với sinh viên quốc tế tiếp tục học lên cao học tại trường (chỉ nộp một vài hồ sơ)	
Đối tượng	Sinh viên đang học ngôn ngữ tại trường, hoặc sinh viên đã tốt nghiệp chương trình cử nhân, thạc sĩ tại trường tiếp tục học lên bậc cao hơn
Các mục hồ sơ đã được giảm lược	<ul style="list-style-type: none"> 1) Không cần nộp giấy tờ số 6, 7, 9 2) Giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng (mục 10) chỉ yêu cầu nộp tài khoản đúng tên bản thân có số dư từ 8.000.000 KRW trở lên

<mẫu tham khảo>

Phương pháp và giấy tờ chứng nhận học lực

※ HẠNG MỤC LƯU Ý KHI NỘP HỒ SƠ ※

- ※ Tất cả mẫu/hồ sơ đăng kí cần viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Hàn
- ※ Tất cả hồ sơ đăng kí cần dễ đọc và không bị rách nát, nếu trường hợp nộp hồ sơ khó đọc có thể bị ảnh hưởng không tốt trong quá trình xét tuyển
- ※ **Hồ sơ đã được viết bằng ngôn ngữ nước ngoài (bao gồm tiếng Anh) phải đính kèm bản dịch công chứng sang tiếng Hàn**
- ※ Tất cả hồ sơ nộp nếu sai thông tin hoặc thông tin không trùng khớp hay thứ tự sai, dịch thuật sai v.v đều không được công nhận.
- ※ Tất cả chữ của bố mẹ hay thí sinh nhất định phải viết theo tên tiếng Anh giống trong hộ chiếu, trong trường hợp sai về thứ tự tên hay tên không đồng nhất, tên bị thiếu hay có lại v.v đều không được công nhận.
- ※ Trường hợp người ngoại quốc đang cư trú ở nước ngoài cần nộp hai bản hồ sơ để phục vụ cho việc làm thẻ nước ngoài sau khi trúng tuyển.
- ※ Tất cả hồ sơ cần phải giống với bản gốc nên nhất định cần phải kiểm tra kĩ càng trước khi nộp
- ※ Có thể yêu cầu nộp thêm hồ sơ nếu cần sau này.

【 THÔNG BÁO TRÚNG TUYỂN VÀ ĐÓNG TIỀN HỌC 】

1. Công bố thí sinh trúng tuyển

1) Ngày công bố

- Đợt 1: 14:00 ngày 17.11.2025(dự tính)

- Đợt 2: 14:00 ngày 19.01.2026(dự tính)

2) Phương thức thông báo: trang chủ của Toà hợp tác quốc tế đại học quốc gia Mokpo
(<https://oia.mokpo.ac.kr/iiee/index.do>)

※ Không thông báo riêng đến từng cá nhân nên thí sinh trúng tuyển cần tự kiểm tra và lưu ý các hướng dẫn

2. ĐÓNG HỌC PHÍ VÀ HOÀN TRẢ HỌC PHÍ

1) Thời gian nộp

- Đợt 1: ngày 17.11.2025~20.11 (thứ năm) dự kiến

- Đợt 2: ngày 19.01.2026~22.1 (thứ năm) dự kiến

2) Địa chỉ nộp: ngân hàng do đại học Mokpo chỉ định

3) Điểm cần lưu ý

- Trường hợp không nộp học phí trong thời gian quy định sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển

- Nếu không hoàn tất việc đóng học phí do không kiểm tra thông báo, kết quả trúng tuyển cũng sẽ bị hủy

4) Từ chối nhập học và phương thức hoàn tiền học phí

◦ Hồ sơ đăng ký hoàn trả: Bản sao giấy tờ tùy thân, bản sao sổ tài khoản ngân hàng, Đơn xin hoàn trả học phí (tải từ mục "Tài liệu biểu mẫu" trên trang web của toà hợp tác quốc tế)

◦ Nơi nộp hồ sơ: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua fax đến Văn phòng Hành chính Toà hợp tác Quốc tế (FAX: 061-450-2951)

※ Trường hợp nộp qua fax, thí sinh bắt buộc phải gọi điện thoại xác nhận với Văn phòng Hành chính Toà hợp tác quốc tế (TEL: 061-450-2278)

◦ Tiêu chuẩn hoàn trả: Hoàn trả toàn bộ học phí nếu rút đăng ký trước ngày nhập học. Sau thời điểm nhập học, mức hoàn trả được tính theo quy định hoàn trả học phí của nhà trường.

【 LƯU Ý DÀNH CHO THÍ SINH 】

- 1) Mọi thông tin trên hồ sơ đăng ký phải được điền chính xác; thí sinh tự chịu trách nhiệm về những sai sót, thiếu sót; nếu phát hiện sai phạm hoặc thông tin không đúng sự thật, dù đã trúng tuyển cũng sẽ bị hủy kết quả.
- 2) Sau khi hoàn tất đăng ký hồ sơ, không được chỉnh sửa hoặc hủy bỏ, vì vậy cần đọc kỹ hướng dẫn và kiểm tra thông tin trước khi nộp.
- 3) Thí sinh đang có tình trạng học tại trường khác (bao gồm cả Mokpo) không được đăng ký; mỗi thí sinh chỉ được nộp đơn vào một ngành, không được đổi ngành sau khi nộp.
- 4) Khi nộp hồ sơ, coi như đã đồng ý với việc cung cấp thông tin cá nhân phục vụ xét tuyển; thông tin này không được sử dụng cho mục đích khác.
- 5) Hồ sơ và lệ phí xét tuyển đã nộp sẽ không được hoàn trả. Trường hợp bất khả kháng như thiên tai, bệnh tật, tai nạn... nếu không thể tham gia phỏng vấn, sẽ được hoàn lại lệ phí sau khi trừ chi phí quản lý.
- 6) Trường hợp không đủ điều kiện hoặc sử dụng phương pháp gian lận (khai man điểm số, làm giả tài liệu, thi hộ...) sẽ bị hủy kết quả.
- 7) Thí sinh trúng tuyển phải hoàn tất thủ tục nhập học trong thời gian quy định, nếu không sẽ bị coi là từ chối nhập học.
- 8) Trường hợp sinh viên chưa tốt nghiệp đến hạn kiểm tra học lực nhưng không lấy được bằng sẽ bị hủy nhập học, học phí sẽ được hoàn trả theo quy định.
- 9) Thí sinh cần cung cấp thông tin liên lạc chính xác để nhà trường liên hệ trong quá trình xét tuyển. Nếu không thể liên lạc được, nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 10) Mọi thắc mắc xin liên hệ:
 - ▶ Về tuyển sinh: Toà hợp tác quốc tế của trường <☎ 061-450-2278>
 - ▶ Về visa và đăng ký người nước ngoài: Văn phòng Hợp tác Quốc tế <☎ 061-450- 6193>
 - ▶ Về việc sử dụng kí túc xá: khu sinh hoạt <☎ 061-450-2909> (<http://dormi.mokpo.ac.kr/>)

【 Phí đăng kí xét tuyển 】

Đơn vị tuyển	Phí
Tất cả các đơn vị	50,000KRW

- ※ Trường hợp không đáp ứng được kỳ thi phỏng vấn vì lý do bất đắc dĩ chứ không phải lỗi của thí sinh như thiên tai, bệnh tật và tai nạn, và do không đủ điều kiện đăng ký nên đối tượng không được phỏng vấn sẽ trả lại phí phỏng vấn (trả lại tài khoản đã ghi khi nhận hồ sơ).
- ※ Tài khoản chuyển tiền: ngân hàng Shinhan 100-037-224290 (đại học công lập Mokpo)/ nhất định phải chuyển bằng tài khoản đúng tên của thí sinh

【 Hướng dẫn 】

1. Học phí - theo tiêu chuẩn của học kì 2 năm 2025

Khối ngành	Phi nhập học			Học phí I			Học phí II		
	KRW	USD	CNY	KRW	USD	CNY	KRW	USD	CNY
Xã hội. Nhân văn	189,000	168	1,099	423,000	375	2,460	1,583,000	1,405	9,206
Khoa học tự nhiên. Thể thao	189,000	168	1,099	434,000	385	2,524	1,966,000	1,744	11,433
Kĩ thuật. Nghệ thuật	189,000	168	1,099	464,000	412	2,698	2,102,000	1,865	12,224
Dược học	189,000	168	1,099	464,000	412	2,698	2,518,000	2,234	14,643

- ※ Năm 2026 phí nhập học có thể thay đổi sau quyết định của ban thẩm định học phí
- ※ Đối tượng nhận học bổng sẽ thu phí sau khi giảm tiền học

2. Học bổng dành cho du học sinh ngoại quốc (Ngoại trừ người mang quốc tịch Hàn Quốc)

Phân loại	Đối tượng nhận	Học bổng	Thời gian cấp
Tân sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> ■ Người có năng lực tiếng Hàn từ topik 3 trở lên hoặc người hoàn thành xong quá trình Tiếng Hàn trung cấp 1 trở lên tại viện học tiếng Sejong ■ Đạt TOEFL IBT 59 trở lên trong kì thi Ngôn ngữ chính thức (Chỉ áp dụng với trường hợp thí sinh đăng kí vào ngành học bằng tiếng anh) ※ Ngoài TOEFL IBT thì người đạt IELTS 5.5, CEFR B2, NEW TEPS 202 điểm trở lên hoặc các chứng chỉ năng lực tiếng Anh quốc gia tương đương.(TOEIC V.v) đều công nhận 	Học phí II	kì học đầu
Sinh viên đang theo học	<ul style="list-style-type: none"> ■ Được giáo sư chủ nhiệm khoa đề cử dựa trên thành tích học tập và hoàn cảnh kinh tế 	Học phí I hoặc một nửa học phí II	Xét ở mỗi học kì
	<ul style="list-style-type: none"> ■ Người được bên phòng giáo dục hợp tác quốc tế đề cử trong số những người điểm học kì trước trên 3.0 và năng lực tiếng Hàn từ Topik 4 trở lên ※ Dự kiên cấp trong phạm vi ngân sách của Tổ chức RISE 	Trong khoảng toàn bộ học phí	

※ Cấp bậc trình độ tiếng Hàn của viện học Sejong tuân theo cấp bậc tương ứng với Topik thì đều công nhận theo tiêu chuẩn cấp học bổng (Tuy nhiên ngoài học viện Sejong ra thì không công nhận những kì thi năng lực tiếng Hàn khác)

[Biểu mẫu 1]

Thủ tục nhập cảnh cho người nước ngoài

Quyết định trúng tuyển



Cấp giấy chứng nhận nhập học tiêu chuẩn
(Do Văn phòng Hợp tác Quốc tế của trường cấp, mất khoảng 1 tuần)

Người đang cư trú tại Hàn Quốc (đã có visa)	Người đang cư trú ở nước ngoài (chưa có visa)	
<p>Có thể nhận trực tiếp Giấy phép nhập học tiêu chuẩn tại Phòng Hợp tác Quốc tế của trường. Những người khác muốn nhận qua bưu điện sẽ được gửi qua bưu điện.</p>	<p>Các quốc gia ngoài Trung Quốc</p>	<p>Trung Quốc</p>
	<p>Cấp giấy chứng nhận nhập học tiêu chuẩn và giấy xác nhận trúng tuyển cao học</p>	<p>Để xin visa du học D2 cần có mã số xác nhận cấp visa</p> <p>Văn phòng Hợp tác Quốc tế của trường sẽ đăng ký và nhận giấy chứng nhận cấp visa tại Cục quản lý xuất nhập cảnh Hàn Quốc. Sau đó, thông báo mã số chứng nhận cấp visa cho thí sinh đang ở nước ngoài.</p> <p>※ Thời gian xử lý toàn bộ khoảng 1tháng</p>



Văn phòng Hợp tác Quốc tế sẽ tiến hành thủ tục thay đổi tình trạng cư trú hoặc gia hạn thời gian cư trú theo quy định



Cấp phát, đăng kí visa học sinh (D2) tại đại sứ quán Hàn Quốc tại nước sở tại



Đăng kí làm thẻ nước ngoài tại phòng Giáo dục hợp tác quốc tế của trường
(trước 90 sau khi nhập cảnh)

※ **Tư vấn liên quan đến visa**

: phòng giáo dục hợp tác quốc tế đại học quốc gia Mokpo (sdt.061-450-6193)

Phạm vi chuyên ngành và loại bằng thạc sĩ của thí sinh đăng kí chương trình tiến sĩ

Ngành tuyển sinh	Loại bằng Thạc sĩ	Chuyên ngành đã tốt nghiệp	Ghi chú
Ngôn ngữ Anh và Văn học Anh	Thạc sĩ Văn học, Thạc sĩ Giáo dục	Ngôn ngữ Anh và Văn học Anh, Giáo dục, Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh, Giáo dục Tiếng Anh, Ngôn ngữ học, Sân khấu điện ảnh, Sáng tác văn học nghệ thuật (chương trình dành cho quốc gia nói tiếng Anh), các ngành học khác thuộc lĩnh vực nói tiếng anh	
Khảo cổ học và Nhân văn học	Thạc sĩ ngành Khảo cổ học, Nhân chủng học và các ngành liên quan (người nộp luận văn thuộc Ngành Khảo cổ học, Nhân chủng học và các ngành liên quan)	Khảo cổ Ngành cùng lĩnh vực và các ngành liên quan (trường hợp ngành khác phải được sự đồng ý nhập học của toàn bộ giáo sư chuyên ngành)	
Lịch sử địa phương Hàn Quốc	Thạc sĩ Văn học, Thạc sĩ Giáo dục	Chuyên ngành Lịch sử cùng lĩnh vực và các ngành liên quan (trường hợp ngành khác phải được sự đồng ý nhập học của toàn bộ giáo sư chuyên ngành)	
Hoá học	Thạc sĩ Khoa học, Thạc sĩ Giáo dục, Thạc sĩ Kỹ thuật	Ngành hoá học và các ngành khác có liên quan đến Hoá học	
Sinh học	Người đã nhận hoặc dự kiến nhận bằng Thạc sĩ các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn không được áp dụng	Không bao gồm các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn	
Kỹ thuật cơ khí	-	Ngành thuộc khối khoa học và kỹ thuật	

Xây dựng	Thạc sĩ ngành Kỹ thuật Xây dựng hoặc các ngành liên quan đến Kỹ thuật Xây dựng	-	
hướng tình hợp tác ngành Giáo dục tiếng Hàn	Thạc sĩ văn học, thạc sĩ Giáo dục	Ngôn ngữ và Văn học Hàn Quốc, Ngôn ngữ học, Giáo dục tiếng Hàn	

[biểu mẫu 3]

Vị trí và thông tin liên lạc của từng đơn vị ngành

Tên ngành	Số điện thoại (061-450-)	Địa điểm	Tên ngành	Số điện thoại (061-450-)	Địa điểm
Ngôn ngữ Hàn và Văn học Hàn (chương trình hợp tác đào tạo Giáo dục tiếng Hàn)	2110	B15 104	Kỹ thuật Công trình Dân dụng	2470	B20 1117
			Môi trường	2480	B20 2108
Ngôn ngữ Anh và Văn học Anh	2120	B15 106	Hệ thống Đóng tàu Thông minh	2760	B26 314
Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc	2140	B15 108	Truyền thông đa phương tiện	2350	B21 201
Ngôn ngữ và Văn học Nhật Bản	2160	B15 110	Kiến trúc cảnh quan	2360	B23 2109
Lịch Sử	2130	B15 105	Vật liệu tiên tiến	2490	B26 511
Khảo cổ học và Nhân văn học	2150	B17 107	Công nghệ truyền thông	2740	B21 401
Giáo dục học	2170	A8 2188	Kiến trúc	2720	B20 4109
Kinh tế	2210	A8 4186	Âm nhạc	6050	A38 415
Quy hoạch đô thị và phát triển vùng	2220	A8 4188	Mỹ thuật (chương trình hợp tác đào tạo Mỹ thuật trị liệu sáng tạo)	6070	A38 110
Luật	2230	A8 3156	Giáo dục Thể chất	2380	A4 104
Hành chính	2240	A8 3160	Lịch sử địa phương Hàn Quốc (chương trình tiến sĩ)	2130	B15 105
Quản lý đất đai	2250	A8 3179	Gia đình học (chương trình tiến sĩ)	2510	B23 2123
Chính trị và Ngoại giao	2260	A8 4182	Giáo dục Toán học (chương trình tiến sĩ)	2310	C30 1117
Phúc lợi xã hội	2270	A8 2182	Chương trình hợp tác ngành Quản lý hồ sơ	2130	B15 105

Quản trị Kinh doanh	2610	A8 4159	Chương trình hợp tác ngành Thương mại điện tử	2650	A8 2184
Thương mại	2620	A8 4188	Chương trình hợp tác ngành Công nghệ bảo mật thông tin	2710	B21 109-2
Tài chính và bảo hiểm	2630	A8 2186	Chương trình hợp tác ngành Công nghệ bảo mật thông tin	2140	B23 3108
Quản trị du lịch	2640	A8 2185	Chương trình hợp tác ngành Thiết kế nội thất và Nhà ở	2720	B20 4109
Toán học	2310	C30 1117	Chương trình hợp tác ngành Thương mại Trung Quốc	2620	A8 4188
Vật lý	2320	C30 2125	Chương trình hợp tác ngành Năng lượng tái tạo	2460	B19 4118
Hoá học	2330	C30 3122	Chương trình hợp tác ngành Văn hoá Sách và Biển	061-260-1702	B15 104
Sinh học	2340	C30 4108	Chương trình hợp tác ngành Nội dung và Văn hoá	2690	B15 112
Làm vườn	2370	B23 3108	Chương trình hợp tác ngành Quản lý hành chính và Phúc lợi	2240	A8 3160
Tài nguyên Thủy sản, Biển	2390	C31 1113	Chương trình hợp tác ngành Kỹ thuật Môi trường và Xây dựng	2470	B20 2108
Tài nguyên Dược liệu Hàn y	2660	C31 3115	Chương trình hợp tác ngành Phát triển và Ứng dụng Tài nguyên sinh học	2370	B23 3108
Giáo dục mầm non	2510	B23 2123	Chương trình hợp tác ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản	2160	B15 110
Thực phẩm và dinh dưỡng	2520	B23 3119	Chương trình hợp tác ngành Tài chính và Bảo hiểm	2630	A8 2186
May mặc và Dệt may	2530	B23 4126	Chương trình hợp tác ngành Văn hoá Du Lịch	2640	A8 2176
Y Dược	2680	C39 2101	Chương trình hợp tác ngành Thương mại Quốc tế	2620	A8 4188
Điều Dưỡng	2670	B18 2105	Chương trình hợp tác ngành Chính sách đô thị và địa chính	2250	A8 3179
Kỹ thuật Cơ khí	2410	B26 411	Chương trình hợp tác ngành Kỹ thuật Hệ thống Vật liệu mới	2490	B26 511
Công nghệ thực phẩm	2420	B20 3108	Chương trình hợp tác ngành Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc	2140	B15 108
Kỹ thuật điện tử	2430	B21 402	Chương trình hợp tác ngành Khoa học hợp nhất về Sinh học, Dược phẩm, Y học	2794	B24 205
Công nghệ thông tin	2440	B21 301	Chương trình hợp tác ngành Khoa học kết hợp Cảnh quan và Kiến trúc	2360	B23 2109
Xây dựng	2450	B19 3116	Chương trình hợp tác ngành Quản lý nghệ thuật	6070	A38 110
Điện	2460	B19 4118	Giáo dục môi trường	2780	B19 1116

【서식 1】

수험번호 (Do not fill in) ※	20__ 학년도 전/후기 외국인 입학지원서 [Application for Admission]
----------------------------	--

※ 한글이나 영어로 명확하게 작성하세요.
(Please type or write clearly in Korean or in English.)

지원 학과 (Department Applied for)		지원과정 (Degree Program Applied for)	() 석사(Master's), () 박사(Doctorate) () 석·박통합(combined master's and doctor's degree)	
국적 (Citizenship)		민족 (Ethnic Group)		PHOTO HERE (3.5×4.5cm)
성별(Sex)	Male / Female	생년월일 (Date of Birth)	yyyy. mm. dd.	
성명 (Name on your passport)	한글(Korean)			
	영문(English)			
	한자(Chinese)			
우편물 수령주소 (Mailing Address)				
여권번호 (Passport No.)		국내 체류 여부 (Current Residence)	() 한국(Korea) - 체류자격(Visa Status): _____ ※외국인 등록번호(Alien Registration No.): _____ () 해외(Overseas) - 체류국(Country): _____	
연락처 (Contact Information)	전화 (Phone)		핸드폰 (Mobile)	
	※ 한국 비상연락처 (Guardians in Korea)			
	E-mail			
	※ 주요 연락 수단이므로 수신 가능한 이메일을 정확히 기재 (This is the main way to contact you, so please write your e-mail address clearly.)			

학력사항(Academic Information)			
학교명(Name of Institution)			
학과(Department)			
학위(Degree Granted or Expected)	() 학사(Bachelor's Degree) or () 석사(Master's Degree)		
학위번호(Degree identification number)			
학교주소(Address of Institution)			
홈페이지(Website)			
학교 대표전화(Phone)		팩스(Fax)	
재학기간(Period Attended)			
졸업(예정)일 (Date of Graduation or Expected)			

유학경비 부담 주체

Indicate the person(including yourself) that will be responsible for your tuition fee and living expenses)

유학경비부담자 Financial Support	<input type="checkbox"/> 본인 <input type="checkbox"/> Applicant	<input type="checkbox"/> 부모 <input type="checkbox"/> Parent	<input type="checkbox"/> 기타 <input type="checkbox"/> The others
--	---	--	--

* 유학경비부담자는 [서식 3]유학경비부담서약서의 부담자와 동일해야함

(Please write the same person for the sponsor on the [form 3]Affidavit of Financial Support)

상기 내용은 사실과 다름이 없으며 만약 허위로 판명되었을 때는 입학 허가가 취소되는 것에 대하여 이의가 없음을 확인합니다.

I certify that the information provided in this application is true and complete to the best of my knowledge, and I understand that any inaccuracy and falsification may affect my admission including its cancellation after enrollment.

원서 접수일(Application Date) : _____

지원자 서명(Applicant's Signature) : _____

국립목포대학교대학원장 귀하

접수 번호	※	
접수 자인	※	

수험 표

수험번호	※	
성명 (Name)	한글(Korean)	
	영문(English)	
	한자(Chinese)	
지원사항	학위과정	()석사(Master's), ()박사(Doctorate) ()석·박통합(combined master's and doctor's degree)
	지원학과	
<div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 100px; margin: 0 auto; display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <p style="margin: 0;">사 진 (3cm × 4cm)</p> </div>		
국립목포대학교대학원장		접수자인

접수증

접수번호	※	
성명		
과정 및 지원 학과	■학위과정 : 석사(), 박사 () 석·박통합()	
	■지원학과 :	
위와 같이 20 학년도 전/후기 대학원 외국인 입학지원서를 접수함.		
년 월 일	전형료수납 및 원서 접수자인	
국립목포대학교대학원장		

※ 표란을 제외한 모든 사항은 정확히 기재할 것.

대학원 입학 추천서 (Letter of Recommendation)

학위과정	석사 <input type="checkbox"/> 박사 <input type="checkbox"/> 석박사통합 <input type="checkbox"/>	지원학과	
성명		국적	
생년월일		연락처	

상기자를 20 학년도 전/후기 대학원 _____학과(협동과정)
_____과정(석사 또는 박사)의 신입생 입학지원자로 추천합
니다.

20 년 월 일

_____학과(협동과정) 주임교수 _____ (인)

국립목포대학교대학원장 귀하

【서식 4】

유학경비부담 서약서 (Affidavit of Financial Support)

※ 귀하의 유학 경비를 부담할 개인이나 기관명을 쓰시오.
(Please write the name of the sponsor who will provide all the funds during the applicant's studies.)

구분		기재사항
유학경비 부담자 (Sponsor)	성명(Name)	
	직업(Occupation)	
	직장명(Company Name)	
	전화번호(Phone)	
	이메일(E-mail)	
	주소(Mailing Address)	
수혜자 (Recipient)	성명(Name)	
	생년월일(Date of Birth)	
관계(Relationship)		

※ 재정보증인은 “부”와 “모”를 원칙으로 함

본인은 상기 지원자의 유학 기간 중 일체의 경비를 부담할 것을 서약합니다.

I hereby confirm that I will be held responsible for all the tuition fee and living expenses of the person mentioned above for the whole duration of the program.

20 년 월 일

경비부담자 서명(Sponsor's Signature) : _____

국립목포대학교대학원장 귀하

【서식 5】

제출서류 체크리스트 (Check List for Application Documents)

※ 서류제출 전 구비서류가 빠짐없이 준비되었는지 확인할 것. 서류미비 시 접수 불가.
(Applicants should make sure they prepared ALL the required documents listed below before they submit them. Otherwise, applications will not be accepted.)

성명 (Name of Applicants)	이름 (given/first name) : 성 (family/last name) :
국가 (Country)	
지원과정 (Desired Degree Program)	<input type="checkbox"/> 석사 (Master' s) <input type="checkbox"/> 박사 (Doctoral)
기숙사 희망 여부	<input type="checkbox"/> Y <input type="checkbox"/> N ※ 합격 후 별도 신청 필요
한국 비상연락처 (Guardians in Korea)	

주요 일정 Schedule of Procedures	
구술고사(Interview) ※ 학과와 사전 협의	20 . . . (09:30 - 12:00)
등록금 납부기간 (Registration period) ※ 기간 내 미등록시 입학 취소	20 . . . ~ . . .

제출서류 체크리스트 Application Documents List		서식 Form	제출여부 Submission
1	입학지원서(Application Form)	1	
2	졸업·학위(예정)증명서(Official Diploma)		
3	성적증명서(Official Transcript)		
4	대학원 입학 추천서(Recommendation letter)	2	
5	언어능력 증빙서류(Language Proficiency Test Result) OR 수학능력확인서 (Confirmation letter for Research Capability)	3	
6	본인 및 부모 여권사본(A copy of the passports)		
7	본인·부모의 가족관계증명서 (A copy of Family Register or Family relation certificate)		
8	외국인등록증 사본(A copy of Alien Registration)		
9	유학경비부담서약서(Affidavit of Financial Support)	4	
10	은행잔고증명서 2부(Financial Certificate - KRW 16,000,000) ※ 본교 상급 과정으로 진학하는 유학생은 KRW 8,000,000 이상 예치		
11	전형료 납부 여부(Application fee)		